

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình hành động số 91-CTr/TU ngày 17/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực hiện Kết luận 103-KL/TW ngày 29/9/2014 của Bộ Chính trị sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6, khoá X về *“Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”*

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Về ban hành cơ chế, chính sách

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 103-KL/TW, ngày 29/9/2014 về sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6, khoá X về *“tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”*; Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành Chương trình hành động số 91-CTr/TU ngày 17/12/2014 để thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 595/KH-UBND ngày 09/3/2015 thực hiện Chương trình hành động số 91-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; đồng thời ban hành một số cơ chế chính sách để cụ thể hoá thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tại địa phương (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

2. Về tổ chức nghiên cứu, quán triệt Kết luận của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ

Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan đã chỉ đạo các cơ quan thông tin, báo chí trên địa bàn chủ động định hướng dư luận thực hiện theo đúng quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và của địa phương, tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, tạo sự đồng thuận cao hơn trong xã hội về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với tổ chức Đảng nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị quyết hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X *“về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”*, Kết luận số 103-KL/TW ngày 29/9/2014 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 91-CTr/TU ngày 17/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý. Qua đó nhận thức rõ hơn, tạo được sự đồng thuận cao hơn trong xã hội về mục tiêu, yêu cầu, đặc trưng và cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Bảo đảm trong xây dựng và vận hành thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải tiếp tục hoàn thiện đồng bộ các thành tố cơ bản, có quan hệ hữu cơ với nhau, gồm: thể chế, cơ chế, chính sách điều chỉnh hành vi và giao dịch kinh tế; cơ chế thực thi, kiểm tra, giám sát,

điều chỉnh và xử lý vi phạm trong nền kinh tế; vận dụng đúng đắn các quy luật của kinh tế thị trường, vừa đảm bảo đầy đủ theo thông lệ quốc tế, vừa phù hợp với điều kiện phát triển chung của cả nước và địa phương.

3. Về phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

3.1. Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; cổ phần hoá, thoái vốn đầu tư ngoài ngành, bán phần vốn mà nhà nước không cần nắm giữ; mở rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công

a) Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước:

- Đối với 08 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp thuộc tỉnh: UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của 08 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp thuộc tỉnh theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ và Văn bản số 2210/TTg-ĐMDN ngày 04/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Nhìn chung, mô hình hoạt động của các công ty lâm nghiệp cơ bản phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế trên địa bàn và đã bám sát tinh thần Nghị quyết số 30-NQ/TW và Nghị định số 118/2014/NĐ-CP. Các vấn đề tồn tại trong sản xuất, kinh doanh từng bước được tháo gỡ, hoàn thành việc sắp xếp lại lao động dôi dư, các công ty đã được giao vốn rừng trồng theo giá mới, phương án sử dụng đất cơ bản thực hiện xong, mô hình quản lý rừng đã được chuyển sang hình thức đặt hàng, hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều đổi mới, một số công ty đã chủ động đầu tư mở rộng nhà xưởng, máy móc thiết bị để phát triển hoạt động chế biến lâm sản,...

- Đối với Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lâm Đồng: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lâm Đồng theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 và Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: UBND tỉnh đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng theo phương thức giữ nguyên vốn nhà nước tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa 788.000 triệu đồng, cổ phần nhà nước chiếm 40% vốn điều lệ.

c) Công tác thoái vốn nhà nước: Thực hiện Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ủy quyền Sở Tài chính thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước để thực hiện thoái vốn theo quy định đối với Công ty cổ phần Xây dựng và Quản lý đường bộ II Lâm Đồng. Đến thời điểm hiện nay, còn 02 doanh nghiệp đang thực hiện các thủ tục thoái vốn nhà nước là Công ty Cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt và Công ty Cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc.

d) Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập:

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ tiêu biên chế và khả năng tài chính để sắp xếp

bộ máy, bố trí biên chế theo hướng tinh gọn hơn, tránh chồng chéo, bảo đảm hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ.

- Hầu hết các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được phân loại và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2017-2019 (*trừ các đơn vị thực hiện sáp nhập trong năm 2019, hiện đang xây dựng phương án tự chủ*) theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan; đồng thời, căn cứ khả năng tài chính, chế độ chi tiêu hiện hành và tình hình sử dụng kinh phí qua các năm, các đơn vị sự nghiệp công lập đã chủ động xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp; từ đó góp phần tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi thu nhập cho cán bộ, viên chức và người lao động. Hiện nay, UBND tỉnh đang tiếp tục chỉ đạo thực hiện cổ phần hoá một số đơn vị sự nghiệp công lập theo danh mục và lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3.2. Phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế

a) Về phát triển doanh nghiệp: Để đạt được mục tiêu phấn đấu phát triển số lượng doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh đến năm 2020 có 10.000 doanh nghiệp; đến năm 2025 có 15.000 doanh nghiệp và đến năm 2030 có trên 20.000 doanh nghiệp; trong đó, có khoảng 10% trong tổng số doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh tốt, đóng vai trò đầu tàu trong nền kinh tế của tỉnh. Trong thời gian qua, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; các sở, ngành, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Văn bản số 8713/KH-UBND ngày 07/9/2018 của UBND tỉnh triển khai thi hành Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

Đến thời điểm 20/9/2019, trên địa bàn toàn tỉnh có 8.683 doanh nghiệp (*năm 2014: 754 doanh nghiệp, năm 2015: 846 doanh nghiệp, năm 2016: 977 doanh nghiệp, năm 2017: 1.113 doanh nghiệp, năm 2018: 1.009 doanh nghiệp và 9 tháng đầu năm 2019: 821 doanh nghiệp*). Nếu tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng như hiện nay thì Lâm Đồng sẽ đạt được mục tiêu theo kế hoạch đề ra.

b) Về phát triển kinh tế tập thể: Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 299 HTX, 03 Liên hiệp hợp tác xã, 300 tổ hợp tác đang hoạt động. Để đạt được mục tiêu phát triển các loại hình kinh tế hợp tác trên địa bàn tỉnh cả về số lượng và chất lượng, trong kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2018, tỉnh Lâm Đồng đã đề ra 06 nhóm giải pháp đó là: Tiếp tục thực hiện và hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012; tuyên truyền tập huấn Luật HTX năm 2012 và nâng cao năng lực nguồn nhân lực hợp tác xã; tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển HTX năm 2018 theo Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 và Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 25/02/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển HTX trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020, tạo điều kiện giúp các HTX chủ động vươn lên, nhanh chóng khắc phục những hạn chế, yếu kém, củng cố tổ chức,

nâng cao năng lực quản lý điều hành để hoạt động có hiệu quả; nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể; tăng cường công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể; huy động các nguồn lực xã hội, các tổ chức đoàn thể trong nước và quốc tế tham gia thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã.

c) Công tác thực hiện các mục tiêu cải thiện môi trường kinh doanh tiếp tục được đẩy mạnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai kịp thời, có hiệu quả các Nghị quyết¹ của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Trong thời gian qua, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành nhiều văn bản² chỉ đạo và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành, địa phương. Hầu hết các sở, ngành, địa phương đã ban hành kế hoạch thực hiện theo các nhiệm vụ đã được phân công, kịp thời có những chỉ đạo sát với yêu cầu nhiệm vụ nhằm góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên tất cả các phương diện³, nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh; góp phần từng bước giúp các doanh nghiệp đầu tư ở tỉnh Lâm Đồng phát triển mạnh về cả số lượng và chất lượng, đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, hiện đại và hội nhập quốc tế.

UBND tỉnh đã thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 06/10/2015. Đến nay Quỹ đã được ngân sách cấp 30 tỷ đồng.

4. Về phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

4.1. Phát triển các yếu tố thị trường:

a) Quản lý giá dịch vụ theo cơ chế thị trường và cam kết quốc tế; công khai, minh bạch, bình đẳng:

Tỉnh Lâm Đồng đã triển khai thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước trên địa bàn; thực hiện bình ổn giá bằng các biện pháp kinh tế vĩ mô và sử dụng nguồn lực kinh tế của Nhà nước, giám sát đa các biện pháp hành chính trong quản lý giá trên địa bàn tỉnh. Thực hiện cơ chế xác định giá trị quyền sử dụng đất theo cơ chế thị trường để đấu giá quyền sử dụng, đấu thầu các dự án có sử dụng đất, thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; đã lựa chọn những tổ chức, đơn vị độc lập có chức năng định giá, có đủ tiêu chuẩn

¹ Chương trình hành động số 3671/CTr-UBND ngày 29/6/2016 về việc thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/05/2016 của Chính phủ; Kế hoạch số 2950/KH-UBND ngày 07/6/2016 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016, Kế hoạch số 1463/KH-UBND ngày 15/3/2017 về thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ; Văn bản số 6269/UBND-TH₂ ngày 21/9/2017 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021.

² Kế hoạch 2266/KH-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

³ Bãi bỏ, đơn giản hóa các quy định về điều kiện kinh doanh; thực hiện cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành và kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia; Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4; Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; ...

về chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật, về đạo đức nghề nghiệp và được phép hành nghề theo quy định của pháp luật để thực hiện việc định giá đất.

b) Tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước:

- Tỉnh Lâm Đồng phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng phục vụ cho các thị trường hàng hóa, dịch vụ, xây dựng các khu trung tâm thương mại; thực hiện tự do hoá thương mại và đầu tư phù hợp với các cam kết quốc tế. Phát triển các phương thức giao dịch thị trường hiện đại, nhất là hàng hóa nông sản và vật tư nông nghiệp để ổn định giá, giảm bớt rủi ro cho người sản xuất và người tiêu dùng.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giá đối với một số hàng hoá, dịch vụ độc quyền, bảo đảm tuân thủ yêu cầu của cơ chế thị trường và các cam kết quốc tế.

c) Phân bổ nguồn lực theo cơ chế thị trường:

- Các nguồn lực xã hội đã được phân bổ theo cơ chế thị trường và theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương bảo đảm đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Tập trung vốn đầu tư công cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, dịch vụ công quan trọng, đóng vai trò chủ đạo và những lĩnh vực mà tư nhân không thể hoặc chưa thể đảm đương được; quan tâm đến các vùng, đối tượng còn nhiều khó khăn, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, các địa phương. Chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách nhà nước trong thời gian qua là ưu tiên bố trí vốn chi đầu tư phát triển để cải tạo và xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng các công trình trọng điểm, các ngành nghề mũi nhọn, phát huy lợi thế của địa phương để chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trong chi thường xuyên, đã chú trọng tăng chi cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, đảm bảo một phần nguồn cải cách tiền lương, đảm bảo thực hiện một số chính sách mới của Đảng và nhà nước đối với các đối tượng xã hội, người đồng bào dân tộc thiểu số và người có công với cách mạng,...

- Thực hiện các giải pháp mở rộng và nâng cao chất lượng tín dụng đi đôi với điều chỉnh cơ cấu tín dụng theo ngành, lĩnh vực và để đáp ứng nhu cầu vốn có hiệu quả, chú trọng tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, hộ sản xuất. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên gồm: nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khởi sự doanh nghiệp, công nghiệp hỗ trợ...các chương trình tín dụng chính sách và các chương trình tín dụng đặc thù.

- Triển khai thực hiện các chủ trương chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn; Thực hiện chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết số 30/NQ-CP của Chính phủ. Triển khai chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng phục vụ phương án, dự án sản xuất kinh doanh thông qua việc thông tin các chương trình, các gói tín dụng hỗ trợ về lãi suất vay vốn.

4.2. Phát triển đồng bộ các loại thị trường

a) Thị trường các sản phẩm nông nghiệp

- Về phát triển các chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ: Đến nay, toàn tỉnh có 125 chuỗi liên kết giá trị từ sản xuất, sơ chế, chế biến đến tiêu thụ (*có hợp đồng liên kết lâu dài*) với sự tham gia liên kết của 75 doanh nghiệp; 40 HTX; 42 THT, cơ sở nhỏ lẻ và 13.148 hộ nông dân. Phần lớn nông dân đã liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi khép kín từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, trong đó có 68 chuỗi liên kết đã được các tổ chức trong nước và quốc tế chứng nhận về chất lượng sản phẩm. Các sản phẩm tiêu thụ qua chuỗi, đặc biệt đối với các sản phẩm rau, củ quả tươi tiêu thụ tại các thị trường cao cấp có tăng giá trị sản phẩm cao hơn 20-25%.

- Phát triển thương hiệu, thị trường: Để nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của các sản phẩm đặc trưng thế mạnh của tỉnh trên thị trường; nâng cao đời sống của người dân vùng sản xuất kinh doanh góp phần phát triển kinh tế - xã hội. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 với mục đích: Nâng cao nhận thức cho người dân, các tổ chức sản xuất kinh doanh sản phẩm đặc trưng thế mạnh về việc xây dựng, quản lý, phát triển thương hiệu và bảo vệ thương hiệu, bảo vệ giá trị của sản phẩm. Xác lập quyền đăng ký các nhãn hiệu sở hữu cộng đồng cho các sản phẩm đặt trưng thế mạnh có giá trị kinh tế cao. Tổ chức, cá nhân được xây dựng nhãn hiệu được hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ quảng bá thương hiệu, công bố thương hiệu, xúc tiến thương mại, hỗ trợ mạng lưới tiêu thụ cho các sản phẩm đặc trưng thế mạnh.

Đồng thời, để tăng cường quảng bá, giới thiệu các sản phẩm đặc trưng của Lâm Đồng đến với người tiêu dùng trong và ngoài nước, từng bước đưa các sản phẩm của Lâm Đồng hội nhập vào thị trường quốc tế, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch xúc tiến thương mại tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020 (*Quyết định 2330/QĐ-UBND ngày 27/10/2016*), qua đó nâng cao sản lượng nông sản xuất khẩu của tỉnh, đặc biệt là sản phẩm hoa có mức tăng trưởng cao nhất. Chất lượng hàng hóa ngày càng nâng cao, vị thế và thương hiệu nông sản Lâm Đồng như hoa Đà Lạt, rau Đà Lạt... cũng dần được khẳng định. Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng đang triển khai nhãn hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” với tổng nguồn kinh phí thực hiện khoảng 11 tỷ đồng, lớn nhất trong tất cả các thương nông sản ở Việt Nam, dùng chung cho các sản phẩm rau, hoa, cà phê arabica và du lịch nông nghiệp để quảng bá vùng đất, con người, các sản phẩm nông nghiệp và địa danh Đà Lạt.

Trên cơ sở những kết quả đạt được của Chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2011-2015, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020 giá trị sản xuất bình quân trên đơn vị diện tích đạt 170 triệu đồng/ha/năm, có 20% diện tích đất canh tác ứng dụng công nghệ cao theo tiêu chí mới, đạt 35-40% giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp; sản phẩm đáp ứng vệ sinh an toàn thực phẩm (*có ít nhất 50% sản phẩm công nghệ cao được tiêu thụ qua chuỗi thực phẩm an toàn*). Để thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số

756/QĐ-UBND ngày 19/4/2017; trong đó, tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách; thực hiện các chương trình, đề án, dự án trọng tâm để thúc đẩy phát triển nông nghiệp một cách toàn diện; đặc biệt là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao theo hướng đồng bộ, hiện đại nhằm nâng cao sức cạnh tranh của nông sản. Đến nay, diện tích sản xuất nông nghiệp công nghệ cao toàn tỉnh đạt 56.403 ha, tăng 13.320 ha so với năm 2015. Công nghệ sinh học cũng đã được áp dụng mạnh mẽ trong sản xuất và tập trung chủ yếu là khâu sản xuất giống tạo ra nguồn cây giống sạch bệnh có tính đồng nhất và ổn định về năng suất chất lượng. Trong canh tác, các loại thuốc Bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học đã được áp dụng tương đối phổ biến trong sản xuất, chiếm khoảng 15% tổng lượng thuốc sử dụng hàng năm.

b) Thị trường sản phẩm công nghiệp:

- Tình hình hoạt động, thu hút đầu tư vào các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp:

+ Tình hình thu hút các nhà đầu tư tại 02 KCN Phú Hội và Lộc Sơn: 65 dự án (*21 dự án FDI*), với tổng vốn đăng ký 3.496,42 tỷ đồng và 91,57 triệu USD, diện tích đất sử dụng 144,43 ha.

+ Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 10 cụm công nghiệp (CCN), với tổng diện tích quy hoạch sau khi điều chỉnh là 344,79 ha; trong đó, diện tích đất công nghiệp là 258,83 ha. Đến nay, có 06 cụm công nghiệp đã triển khai tương đối hiệu quả, gồm: CCN Gia Hiệp, huyện Di Linh; CCN Ka Đô, huyện Đơn Dương; CCN Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc; CCN Phát Chi, thành phố Đà Lạt; CCN Đình Văn, huyện Lâm Hà; CCN Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm; 03 cụm công nghiệp chưa thu hút được nhà đầu tư, gồm: CCN Lộc An, huyện Bảo Lâm; CCN Đa Rsal, huyện Đam Rông; CCN Đa Oai, huyện Đa Huoai; 01 cụm công nghiệp đang thực hiện xây dựng quy hoạch đầu tư hạ tầng là CCN Tam Bó, huyện Di Linh. Đến nay, có 34 dự án đăng ký đầu tư vào các CCN, tổng diện tích cho thuê là 89,23 ha; trong đó, chỉ có 29 dự án đang hoạt động hiệu quả, tỷ lệ lấp đầy 41,35%, với tổng vốn đăng ký đầu tư của các dự án 2.399,41 tỷ đồng.

- Về phát triển hạ tầng cụm công nghiệp

+ 9/10 CCN đã được UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng được phê duyệt là 721,81 tỷ đồng, tổng vốn kinh phí đã bố trí để đầu tư hạ tầng 92,21 tỷ đồng.

+ Việc đầu tư xây dựng hạ tầng tại một số CCN còn chậm do phụ thuộc vào nguồn vốn ngân sách bố trí (*trừ CCN Lộc Thắng đã có chủ đầu tư hạ tầng*). Đã có đường bê tông, đường giao thông cấp phối đến hàng rào CCN như: Phát Chi, Lộc Thắng, Đình Văn, Lộc Phát, Ka Đô, Gia Hiệp. Các CCN Lộc An, huyện Bảo Lâm; CCN Đa Rsal, huyện Đam Rông (*chưa thực hiện giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng*). CCN Gia Hiệp đã giải phóng mặt bằng đạt 100%. Các CCN trên địa bàn tỉnh chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Về phát triển hạ tầng Khu Công nghiệp

+ KCN Lộc Sơn: Đến thời điểm hiện nay, tổng vốn đã đầu tư 277,416 tỷ đồng/tổng mức đầu tư 316,917 tỷ, đạt tỷ lệ 87,54%; trong đó, hạ tầng Khu công nghiệp cơ bản đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư.

+ KCN Phú Hội: Đến thời điểm hiện nay, tổng vốn đã đầu tư 149,598 tỷ đồng/tổng mức đầu tư 432,32 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 34,60%.

c) Thị trường sản phẩm du lịch:

- Về phát triển thị trường du lịch: Trong giai đoạn 2015-2018 và 9 tháng đầu năm 2019, đã thu hút được 28.215.000 lượt khách đến Lâm Đồng tham quan, nghỉ dưỡng; trong đó, có 1.771.000 lượt khách quốc tế, 26.549.000 lượt khách du lịch nội địa. Tốc độ tăng trưởng khách bình quân hàng năm 8,46%/năm. Khách qua lưu trú 19.075.000 lượt.

Nhằm thúc đẩy hợp tác kinh doanh, đầu tư phát triển du lịch, tạo điều kiện để đẩy mạnh việc trao đổi khách, kết nối tour tuyến, xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng, trao đổi kinh nghiệm quản lý du lịch, đào tạo nguồn nhân lực du lịch và phối hợp quảng bá chung hình ảnh du lịch trong các chương trình xúc tiến điểm đến. Tỉnh đã tổ chức các chương trình liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa Lâm Đồng với các tỉnh, thành trong cả nước⁴, đặc biệt đã ký 02 Bản ghi nhớ hợp tác phát triển du lịch quốc tế (*Hiệp hội Doanh nghiệp Thái - Việt Nam và Quỹ Đầu tư xã hội Hàn Quốc, Quỹ JeJu Olle*).

Hỗ trợ doanh nghiệp trong quảng bá, giới thiệu sản phẩm du lịch, kết nối tour tuyến, mở rộng thị trường, đồng thời cung cấp thông tin cho du khách dưới nhiều hình thức; mời các doanh nghiệp tham gia các kỳ hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, sự kiện về du lịch trong và ngoài nước,... xuất bản và phát hành các loại ấn phẩm phục vụ việc tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng, với nhiều loại ngôn ngữ.

Công tác quảng bá sản phẩm du lịch đã được các ngành, địa phương, đơn vị liên quan trong tỉnh quan tâm chú trọng và thực hiện thường xuyên đến thị trường khách du lịch quốc tế⁵; góp phần nâng cao thương hiệu du lịch Đà Lạt - Lâm Đồng, được truyền thông quốc tế ghi nhận⁶.

- Về đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ du lịch: Bên cạnh việc khai thác các sản phẩm du lịch truyền thống của địa phương là du lịch sinh thái, du lịch tham

⁴ Lâm Đồng - Khánh Hòa; Lâm Đồng - Tp.HCM - Bình Thuận; Lâm Đồng - Quảng Nam - Đà Nẵng - Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2020; Hà Nội - Lâm Đồng - Đắk Lắk - Gia Lai giai đoạn 2017 - 2020; Lâm Đồng - Kiên Giang; Lâm Đồng - Đồng Nai; Lâm Đồng - Quảng Bình, Lâm Đồng - Nghệ An....

⁵ Quảng bá trên báo, đài, tạp chí về du lịch, internet, mạng xã hội... Phát hành các ấn phẩm quảng bá giới thiệu hình ảnh, thông tin Đà Lạt - Lâm Đồng (với nhiều ngôn ngữ) tổ chức và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các sự kiện du lịch tại các thị trường trọng điểm trong và ngoài nước; tổ chức đón các đoàn lữ hành và báo chí của các địa phương trong nước (Huế, Cần Thơ, Tp.HCM, Bình Thuận, Hà Nội, Nghệ An...) và quốc tế (Thái Lan, Đài Loan - Trung Quốc, Lào, Hàn Quốc, Malaysia, Singapore, Mỹ, Anh...) đến khảo sát sản phẩm dịch vụ du lịch tại Lâm Đồng; hỗ trợ các đoàn quay phim, phóng viên báo đài (Đài truyền hình Bắc Kinh - Trung Quốc, Đài Truyền hình Việt Nam, VTV9...)

⁶ Năm 2016, Đà Lạt đã được Tạp chí New York Times của Mỹ bình chọn là một trong 52 điểm đến du lịch hàng đầu của thế giới, Kênh truyền hình CNN - Mỹ bình chọn Đà Lạt là 1 trong 9 địa điểm tuyệt vời ở Châu Á; năm 2018, Đà Lạt - Lâm Đồng được trang web du lịch Tourovia.com của Mỹ xếp hạng đứng thứ 5 trong 17 thành phố là điểm đến tốt nhất Việt Nam...

quan nghỉ dưỡng, tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch lớn (*Festival Hoa Đà Lạt, Tuần Văn hóa trà và tơ lụa Bảo Lộc, các chương trình nghệ thuật, thể thao kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, hội chợ Thương mại - Du lịch,...*); các đơn vị kinh doanh du lịch dịch vụ tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch mới như:

+ Du lịch canh nông: Qua thời gian triển khai Đề án thí điểm xây dựng các mô hình du lịch nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng gắn với ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; đến nay, đã ra quyết định công nhận cho 33 mô hình du lịch canh nông trên địa bàn tỉnh và thu hút trên 01 triệu lượt khách đến tham quan và trải nghiệm các hoạt động. Nhiều mô hình du lịch canh nông với các sản phẩm du lịch dịch vụ phong phú, đa dạng đã thu hút đông khách đến tham quan và trải nghiệm⁷. Sản phẩm du lịch canh nông ở Lâm Đồng trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận và đóng góp một phần không nhỏ trong việc nâng cao đời sống người dân, đặc biệt là khu vực nông thôn, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh và xây dựng được thương hiệu du lịch riêng cho Đà Lạt - Lâm Đồng; đồng thời, đã góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng cường việc giao lưu văn hoá, sự hiểu biết lẫn nhau giữa du khách và cộng đồng hướng đến phát triển du lịch bền vững.

+ Du lịch thể thao mạo hiểm: Trong thời gian qua, sản phẩm du lịch thể thao mạo hiểm với các hoạt động như leo núi, vượt thác, xe đạp địa hình, đi bộ băng rừng... đã thu hút nhiều du khách tham gia, đặc biệt là khách quốc tế. Về quản lý hoạt động tổ chức và kinh doanh du lịch mạo hiểm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; đến nay đã xác nhận đủ điều kiện tổ chức và kinh doanh du lịch thể thao mạo hiểm cho 10 công ty trên địa bàn tỉnh, thành lập Câu lạc bộ du lịch thể thao mạo hiểm Lâm Đồng. Các doanh nghiệp lữ hành đã đón tiếp và phục vụ: 200.000 lượt khách tham gia trải nghiệm các hoạt động du lịch thể thao mạo hiểm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (*trong đó có 145.000 lượt khách quốc tế, 55.000 lượt khách nội địa*).

d) Thị trường dịch vụ, thương mại:

- Hoạt động xúc tiến thương mại hỗ trợ phát triển thị trường cho sản phẩm đặc trưng của tỉnh Lâm Đồng:

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 về Kế hoạch thực hiện Đề án “*Phát triển thị trường trong nước*” gắn với cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2014-2020; trong đó, chú trọng khâu tổ chức và tham gia hội nghị kết nối cung cầu hàng hóa nhằm kết nối nhà sản xuất các sản phẩm đặc trưng của tỉnh với nhà phân phối như hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, hệ thống chợ trong cả nước; xây dựng điểm bán hàng Việt Nam với tên gọi “*Tự hào hàng Việt Nam*” cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh, cụ thể:

Hàng năm, tỉnh đã tổ chức đoàn doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng đặc trưng của tỉnh tham gia hội nghị kết nối cung cầu hàng hóa, trưng bày sản phẩm, kết nối với

⁷ Công ty cổ phần Long Đình (huyện Lâm Hà); Mô hình du lịch canh nông DL Nature's ở phường 11 (thành phố Đà Lạt); Công ty cổ phần Chè Cầu Đất (xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt); Công ty TNHH Vĩnh Tiến ở phường 4 (Đà Lạt)...

nhà phân phối tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành với các mặt hàng đặc trưng như: trà, cà phê, rau củ, nước trái cây, nông sản sấy, mứt, mứt ca, hàng thủ công mỹ nghệ,... Từng bước xây dựng các điểm bán hàng Việt cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh, tạo điểm đến mua sắm uy tín đối với du khách, người tiêu dùng. Đến nay, tỉnh Lâm Đồng có 19 nhãn hiệu đã được công nhận⁸, hình thành nhiều cửa hàng kinh doanh bán các sản phẩm đặc trưng của Lâm Đồng⁹; qua đó tuyên truyền, quảng bá đến người tiêu dùng và du khách.

- Về hạ tầng thương mại: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 82 chợ, 02 trung tâm thương mại (*Big C Đà Lạt và Vincom Plaza Bảo Lộc*) và 05 siêu thị (*03 siêu thị tổng hợp quy mô hạng 2 - Big C Đà Lạt, Coopmart Bảo Lộc, Vinmart Bảo Lộc; 02 siêu thị chuyên doanh điện máy - Điện tử Ý, Vinpro Bảo Lộc*).

- Công tác chuyển đổi mô hình quản lý chợ: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 về việc chuyển đổi mô hình quản lý chợ từ Ban quản lý hoặc Tổ quản lý chợ sang loại hình doanh nghiệp hoặc hợp tác xã quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020. Trong giai đoạn 2015-2019, một số địa phương trên địa bàn tỉnh đã thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý từ Ban quản lý hoặc Tổ quản lý chợ sang hình thức doanh nghiệp hoặc hợp tác xã quản lý chợ được 05 chợ (*chợ Đà Loan, chợ Đa Rsal, chợ Tân Hội, chợ Đa Lây, chợ Gia Viễn*); trong đó, 04 chợ theo hình thức hợp tác xã và 01 chợ (*chợ Đa Rsal*) theo hình thức doanh nghiệp. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 25 chợ do doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý chợ.

đ) Thị trường bất động sản:

Xác định thị trường bất động sản là một lĩnh vực phát triển kinh tế quan trọng, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo cho mục tiêu phát triển đô thị, khai thác quỹ đất phù hợp tối ưu nhất. Trong những năm qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương liên quan để triển khai quản lý, thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản trên tất cả các lĩnh vực¹⁰; đã ban hành Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2020 và các nhiệm vụ về phát triển nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch số 7850/KH-UBND ngày 20/11/2017 về phát triển nhà ở giai đoạn 2016-2020 trên

⁸ gồm: Trà B'Lao, rau Đà Lạt, hoa Đà Lạt, cà phê Di Linh, dưa Cayene Đơn Dương, cà phê Arabica Langbiang, sầu riêng Đa Huoai, diệp hạ châu Cát Tiên, gạo nếp quýt Đa Tềh, mứt mứt Đơn Dương, tơ lụa Bảo Lộc, cà phê Cầu đất Đà Lạt; Lúa gạo Cát Tiên, rượu cần Lang biang, chuối Laba, nấm Đơn Dương, cá nước lạnh Đà Lạt, bánh tráng Lạc Lâm, mây tre đan Madagui.

⁹ Công ty TNHH Hany đã tổ chức chuỗi gồm 04 cửa hàng bán đặc sản Đà Lạt tại thành phố Đà Lạt, Công ty TNHH Quảng Thái với chuỗi cửa hàng đặc sản mang thương hiệu Langfarm, Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng với chuỗi cửa hàng sản phẩm từ atiso, Công ty Long Đình với cửa hàng giới thiệu, bán sản phẩm trà olong,... không những ở trong tỉnh mà còn xây dựng ở các tỉnh, thành phố như Tp. HCM, Hà Nội,... Cửa hàng của Công ty TNHH Ngô Mai Hoa tại huyện Đức Trọng.

¹⁰ Thành lập Ban Chỉ đạo về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Lâm Đồng; kịp thời giải quyết, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án của chủ đầu tư; đặc biệt là công tác phối hợp rà soát các dự án chậm trễ thực hiện, thời gian kéo dài; rà soát danh mục các dự án phát triển nhà ở xã hội; nhà ở cho công nhân và phát triển các khu dân cư để kêu gọi, thu hút đầu tư; Công tác phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu (đặc biệt là quy hoạch phân khu các khu chức năng) để thu hút đầu tư các dự án du lịch; xây dựng hệ thống dữ liệu nhà ở và thị trường bất động sản; chuẩn bị các điều kiện triển khai điều tra, thu thập và xây dựng cơ sở dữ liệu.

địa bàn tỉnh; Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 về việc quy định bảo tồn, quản lý sử dụng hợp lý quỹ biệt thự thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Kết quả thực hiện như sau:

- Từ năm 2016 đến nay, UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương cho 04 dự án nhà ở thương mại¹¹, tổng diện tích đất 97.70 ha; quy mô căn hộ: 1071 nhà liên kế và biệt thự, 57 căn nhà ở tái định cư, 46 nhà kinh doanh thương mại và chung cư 528 căn hộ. Đến nay, có 01 dự án đã triển khai đầu tư hạ tầng, 02 dự án còn lại đang đang xin phép xây dựng.

- Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 33 dự án kinh doanh bất động sản và phát triển đô thị (*sau khi đã trừ đi các dự án thu hồi*), với tổng số vốn đăng ký 9.422,63 tỷ đồng (*sau khi đã trừ đi vốn điều chỉnh giảm*), chiếm khoảng 7% tổng số vốn thu hút đầu tư trên các lĩnh vực, các dự án đều được phê duyệt trước năm 2015, với tổng số vốn đăng ký 1.695,426 tỷ đồng.

e) Thị trường lao động:

- Về việc khảo sát nhu cầu lao động của xã hội, cung cấp thông tin để định hướng học nghề cho người lao động; làm căn cứ cho các trường hợp và cơ sở dạy nghề mở lớp đào tạo; gắn việc đào tạo nghề với nhu cầu lao động của xã hội: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 7958/KH-UBND ngày 22/12/2015 về việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020; hàng năm, tổ chức thực hiện việc điều tra nhu cầu sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định. Thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu cung - cầu tại các doanh nghiệp và hộ gia đình trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Thông tư số 27/2015/TT-BLĐTBXH ngày 24/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát nhu cầu của các doanh nghiệp và hộ gia đình, đã cung cấp thông tin cho các cơ sở đào tạo và người lao động trên địa bàn tỉnh làm căn cứ để định hướng đào tạo và học nghề. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã chủ động toàn diện trong công tác khảo sát thị trường lao động thông qua tiếp xúc trực tiếp với doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng, nắm bắt thông tin đại chúng của thị trường lao động,... để tư vấn, tuyển sinh người học bằng hình thức tham gia đối thoại 03 bên gồm Doanh nghiệp - Nhà trường - Người học để đáp ứng và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Đổi mới xúc tiến việc làm, các cơ sở xúc tiến việc làm vừa giới thiệu việc làm, vừa là trung tâm kết nối với các cơ sở đào tạo nghề để hợp đồng đào tạo nghề cho người lao động:

+ Tổ chức định kỳ 04 Phiên giao dịch việc làm/tháng tại Đà Lạt và Bảo Lộc. Ngoài các Phiên giao dịch việc làm định kỳ còn tổ chức các Ngày hội việc làm, Phiên giao dịch Chuyên đề xuất khẩu lao động, Phiên giao dịch làm cho việc làm cho thanh niên; Phiên giao dịch cho học sinh, sinh viên.

¹¹ Dự án Khu dân cư số 01 với 87,05 ha, Khu dân cư phường 8, Đà Lạt 1,16 ha, Dự án khu dân cư Vạn tâm Đình văn, Lâm Hà diện tích 9,1926 ha và dự án khu căn hộ và dịch vụ tổng hợp Sun Garden Đà Lạt tại số 02, đường Nam Hồ, phường 11, thành phố Đà Lạt với diện tích 0,3ha).

+ Giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động và cung ứng lao động cho đơn vị, doanh nghiệp được cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Đối với hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đến nay đã có 12 nghề được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chọn đầu tư cho 05 trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh; trong đó, Trường cao đẳng nghề Đà Lạt đã tổ chức đào tạo một số nghề đạt chuẩn quốc gia, khu vực ASEAN, quốc tế và phấn đấu đạt trường chất lượng cao chuẩn quốc gia năm 2020.

g) Thị trường khoa học công nghệ:

- Tình hình thực hiện cơ chế chính sách về phát triển thị trường khoa học công nghệ: Trong những năm qua, công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách về phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tiếp tục được hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 về Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ, thực hiện việc tuyên truyền phổ biến về các nội dung, chính sách hỗ trợ; ban hành Kế hoạch số 4478/KH-UBND ngày 13/07/2017 về thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và Kế hoạch số 6324/KH-UBND ngày 22/9/2017 về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020.

Triển khai Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án “*Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020*”; các sở, ngành của tỉnh đã thực hiện hỗ trợ 39 dự án đã hoàn thành áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến với kinh phí được hỗ trợ là 1.760 triệu đồng. Tổ chức 05 hội nghị, hội thảo; 34 lớp đào tạo, tập huấn cho hơn 2.186 lượt người về kỹ năng, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng mà hầu hết các doanh nghiệp tại Lâm Đồng đang áp dụng và hướng tới áp dụng để đáp ứng các thị trường trong và ngoài nước cũng như nâng cao hoạt động quản lý.

- Công tác giao quyền sở hữu, quyền sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước:

Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học¹², áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, chuyển giao công nghệ, chú trọng nghiên cứu trong công nghệ sinh học và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, nghiên cứu đánh giá chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm đưa ra các giải pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

¹² Đánh giá chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2004-2018; Ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại Lâm Đồng; Các đề tài trong lĩnh vực nông nghiệp: nghiên cứu phát triển nguồn thức ăn xanh và công thức phối hợp khẩu phần thức ăn bò thịt cao sản, bò sữa; chọn tạo bộ giống khoai tây có năng suất, chất lượng cao, kháng mốc sương, chịu nhiệt, canh tác quanh năm; nghiên cứu tuyển chọn bộ giống Artichoke chất lượng cao; nghiên cứu phòng trừ bệnh xoắn lá virus hại cà chua tại các vùng trọng điểm của tỉnh.

Tổ chức các lớp tập huấn “*Quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu chứng nhận Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành*”, “*Quản trị tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp*”, “*Bảo hộ giống cây trồng theo Luật Sở hữu trí tuệ*”, từ đó nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ, công tác quản trị tài sản trí tuệ và điều kiện thực hiện việc quản trị; khai thác quyền sở hữu trí tuệ và biện pháp bảo vệ quyền. Đăng ký bảo hộ ở nước ngoài một số nhãn hiệu chứng nhận, có sản phẩm xuất khẩu chủ yếu¹³.

Nhìn chung, thông qua Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ đã tạo ra những quy trình công nghệ mới, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và dịch vụ trên thị trường. Các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các đơn vị sự nghiệp khoa học trong tỉnh đã nghiên cứu, làm chủ các quy trình công nghệ tiên tiến, được thị trường hóa, tạo ra những sản phẩm có giá trị phục vụ sản xuất và đời sống. Việc tham gia các chợ công nghệ, thiết bị, các sự kiện “*kết nối cung cầu về công nghệ*” của quốc gia và khu vực đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp xúc tiến, gắn kết nghiên cứu với sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường công nghệ.

5. Về gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

5.1. Về hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững:

Công tác lập, quản lý và thực hiện các quy hoạch của tỉnh được thực hiện tương đối chặt chẽ, đạt yêu cầu theo các quy định hiện hành. Để thực hiện có hiệu quả Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện “*Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*”, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 8772/KH-UBND ngày 28/12/2017; triển khai đánh giá 05 thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2012-2017 và phương hướng thực hiện giai đoạn đến năm 2020.

5.2. Tập trung nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, Chương trình xây dựng nông thôn mới.

a) Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững

Tỉnh Lâm Đồng đã vận dụng, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Trung ương trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước; quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất tại các xã nghèo; thực hiện kịp thời, đồng bộ các chính sách giảm nghèo và các chương trình, dự án hỗ trợ khác đối với vùng nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo.

Mặc dù ngân sách còn hạn chế nhưng tỉnh đã ưu tiên, tập trung bố trí vốn ngân sách tỉnh để hỗ trợ đầu tư các công trình, dự án. Huy động nguồn lực của

¹³ Trà Blao tại Trung Quốc, Singapore; Hoa Đà Lạt tại Nhật Bản và Singapore

Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia cùng với ngân sách để thực hiện các chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, góp phần hoàn thành kế hoạch đề ra.

Kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo:

- Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh đã giảm từ 6,67% cuối năm 2015 xuống 2,85% vào cuối năm 2018; dự kiến đến cuối năm 2019, giảm còn 1,85% (*giảm 4,82% so với năm 2015*); riêng hộ đồng bào dân tộc giảm từ 8,5% xuống 6,5% (*giảm 2%*).

- Tỷ lệ hộ nghèo huyện nghèo Đam Rông giảm từ 37,11% cuối năm 2015 xuống còn 19,22% vào cuối năm 2018; dự kiến đến cuối năm 2019, giảm còn 13,22% (*giảm 6% so với năm 2018*), hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm còn 21,83% (*giảm 10%*).

- Giai đoạn 2016-2018, bình quân tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm 1,25%/năm (*NQ: 1,5-2%/năm*), huyện nghèo Đam Rông giảm bình quân 5,2%/năm (*NQ huyện 5-6%/năm*), cơ bản đạt mục tiêu kế hoạch Nghị quyết đã đề ra.

- Có 28 xã (*chiếm tỷ lệ 77,7% xã đặc biệt khó khăn*) và 19 thôn (*chiếm tỷ lệ 14,7% thôn đặc biệt khó khăn*) đã hoàn thành mục tiêu chương trình 135; hiện còn 11 xã 110 thôn đặc biệt khó khăn tiếp tục đầu tư trong giai đoạn 2018-2020.

Tình hình thực hiện các dự án thành phần:

(1) Chương trình 30a (*thực hiện tại huyện Đam Rông*): Tổng vốn ngân sách nhà nước bố trí thực hiện chương trình 30a trong giai đoạn 2016-2019 là 204,1 tỷ đồng (*vốn đầu tư phát triển 142,1 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 61,9 tỷ đồng*).

(2) Chương trình 135: kinh phí bố trí thực hiện các nội dung của chương trình 207,2 tỷ đồng (*vốn đầu tư phát triển 152,5 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 54,7 tỷ đồng*).

(3) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a và Chương trình 135 với tổng kinh phí bố trí 39,2 tỷ đồng, thực hiện hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

(4) Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: tổng kinh phí thực hiện từ nguồn vốn sự nghiệp 3,7 tỷ đồng. Chủ yếu là trang bị hệ thống phát thanh cho trạm truyền thanh cơ sở và mua sắm trang thiết bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động cho các xã đặc biệt khó khăn, xã miền núi; in 15 nghìn cuốn ấn phẩm tuyên truyền "*Cẩm nang dành cho hộ nghèo*", tổ chức 21 cuộc đối thoại chính sách với hộ nghèo, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ gần 1.500 lượt cán bộ thông tin và truyền thông.

(5) Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình: kinh phí bố trí thực hiện là 5,2 tỷ đồng. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho 1.000 lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp; bình quân hàng năm các địa phương tổ chức 30 đợt kiểm tra, giám sát cấp huyện, cấp xã trong việc thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Trên cơ sở Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh đã phê duyệt Chương trình xây dựng NTM và Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020, Quy định chi tiết một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã, huyện NTM giai đoạn 2017-2020 và ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020. Đến nay, hệ thống khung pháp lý và các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình đã cơ bản hoàn thành, tạo điều kiện thuận lợi để các địa phương chủ động triển khai thực hiện Chương trình.

Đề gán xây dựng NTM với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11/11/2016 về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững, hiện đại; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/4/2017 về đào tạo phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025; UBND tỉnh đã triển khai thực hiện dự án phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành; phê duyệt 09 đề án, kế hoạch chuyên đề hằng năm hoặc cả giai đoạn để cụ thể các chủ trương trong tái cơ cấu ngành.

Kết quả huy động nguồn lực như sau:

- Tổng nguồn lực huy động giai đoạn 2015- 2019: 43.413,838 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách nhà nước: 6.586,768 tỷ đồng (*Vốn đầu tư trực tiếp 1.501,078 tỷ đồng; vốn lồng ghép các chương trình, dự án khác: 5.085,69 tỷ đồng*).

+ Vốn tín dụng (*dư nợ tín dụng tăng thêm*): 35.077,24 tỷ đồng.

+ Vốn các tổ chức, doanh nghiệp: 546,52 tỷ đồng.

+ Vốn đóng góp của cộng đồng dân cư: 1.203,31 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện mục tiêu các chương trình:

- Cấp xã: Đến nay, toàn tỉnh có 90/116 xã đạt chuẩn NTM. Số tiêu chí bình quân đạt 18,07 tiêu chí/xã. Dự kiến đến cuối năm 2019 có 99 xã đạt NTM. Dự kiến đến hết năm 2020 sẽ có 111/116 xã đạt chuẩn NTM, bình quân toàn tỉnh đạt trên 18,5 tiêu chí/xã. Trong đó, có ít nhất 20% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 10% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

- Cấp huyện: Toàn tỉnh đã có 02 huyện đã cơ bản đạt chuẩn NTM (*Đôn Dương, Đức Trọng*) và 02 thành phố đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (*Đà Lạt, Bảo Lộc*)¹⁴. Dự kiến đến 2020, sẽ có ít nhất 06 huyện đạt chuẩn huyện NTM.

5.3. Đối với công tác bảo vệ môi trường:

- UBND tỉnh đã ưu tiên phân bổ ngân sách từ nguồn vốn đầu tư phát triển

¹⁴ Huyện Đôn Dương đã được Thủ tướng công nhận năm 2015; 03 đơn vị huyện Đức Trọng, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc, đã trình Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận.

cho bảo vệ môi trường; tăng dần tỷ lệ phân bổ cho hoạt động sự nghiệp môi trường theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đặt ra đối với công tác bảo vệ môi trường.

- Triển khai đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, thực hiện một số chính sách ưu đãi, miễn, giảm theo cơ chế đầu tư trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn; đồng thời, hỗ trợ một phần kinh phí để thực hiện thu gom chất thải rắn đối với một số doanh nghiệp đầu tư dự án xử lý rác thải trên địa bàn. Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ môi trường sẽ được ưu tiên vay vốn từ Quỹ bảo vệ môi trường theo quy chế của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam và của tỉnh Lâm Đồng.

- Công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải, nước thải sinh hoạt và công nghiệp được tăng cường, cơ bản bảo đảm kinh phí cho xử lý chất thải và tạo nguồn vốn đầu tư trở lại cho hoạt động bảo vệ môi trường, góp phần giảm gánh nặng đầu tư cho bảo vệ môi trường từ ngân sách nhà nước, tạo nguồn tài chính bền vững cho bảo vệ môi trường.

- Việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về môi trường được tiến hành thường xuyên trên địa bàn toàn tỉnh với nhiều hình thức khác nhau. Hàng năm, tổ chức tuyên truyền hưởng ứng Ngày môi trường thế giới 05/6, tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, Ngày quốc tế đa dạng sinh học, tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp với hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm môi trường của lực lượng cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường được tăng cường. Quán triệt thực hiện nghiêm túc tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật (*không quá một lần/năm*), kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành với nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra. Danh sách các đơn vị được thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh được UBND phê duyệt từ đầu năm.

- Kịp thời xử lý các vấn đề môi trường nổi cộm, bức xúc, các “điểm nóng” về môi trường trên địa bàn tỉnh. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh tập trung vào nhóm dịch vụ công ích; đồng thời, nguồn kinh phí hỗ trợ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chủ yếu là từ nguồn vốn trung ương. Vì vậy, việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế về nguồn vốn và tiến độ thực hiện.

6. Về đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế:

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình về hội nhập quốc tế theo Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế

giới; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW; Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW.

- Qua 05 năm, đã tổ chức tuyên truyền 06 đợt về hội nhập quốc tế trên Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh - Truyền hình, tổ chức phối hợp tổ chức 22 lớp hội nghị tập huấn, xuất bản bản tin thông tin thị trường và ngành hàng, phát hành 01 ấn phẩm về thương mại điện tử; tư vấn ứng dụng thương mại điện tử dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên sâu cho đối tượng là cán bộ, công chức phụ trách quản lý lĩnh vực thương mại điện tử và cộng đồng doanh nghiệp, thanh niên khởi nghiệp.

- Nội dung công tác tuyên truyền về hội nhập quốc tế tập trung chủ yếu vào việc nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân về hội nhập, về WTO, FTA và lộ trình thực hiện các cam kết của Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế, những rào cản kỹ thuật của các nước đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam nói chung, tỉnh Lâm Đồng nói riêng; các kế hoạch và chương trình hành động của địa phương; những thuận lợi và khó khăn, thách thức đối với địa phương trong quá trình hội nhập với WTO, các hiệp định thương mại tự do và chương trình hợp tác kinh tế, thương mại đối với các nước đã ký hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với Việt Nam.

- Nhìn chung, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là các doanh nghiệp ngày càng thấy rõ sự cần thiết, cấp bách và dành nhiều thời gian quan tâm, tìm hiểu các vấn đề liên quan đến hội nhập, nhất là lộ trình thực hiện các cam kết cụ thể trong từng lĩnh vực, ngành hàng; các biện pháp ứng phó trước những tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập đến nền kinh tế nói chung, đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng, tạo tiền đề thích nghi với cơ chế kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

7. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội

- Trong phong trào “*Chung sức xây dựng nông thôn mới*”, đã được sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận và ủng hộ cao của nhân dân; thực hiện dân chủ ở xã gắn với thực hiện các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới, phát huy quyền làm chủ của nhân dân tích cực tham gia bàn bạc, quyết định và thực hiện; huy động sức dân tham gia xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, văn hóa, xã hội; đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân được nâng lên.

- Phong trào phát triển giao thông nông thôn theo phương thức “*nhân dân làm công trình, nhà nước hỗ trợ vật tư*”. Đến nay, tổng số km đường được cứng hoá khoảng 5.313 km đạt tỷ lệ 77,2%. Từ năm 2015 đến nay đã có thêm 52 xã đạt tiêu chí giao thông, nâng số xã đạt tiêu chí lên 103/111 xã (*có 05 xã được sát nhập*), 90/111 xã công nhận là xã nông thôn mới (*trong đó, có 01 xã được nâng lên thị trấn*).

- Về đào tạo phát triển nhân lực chất lượng cao: Từ năm 2015 đến nay, các cấp, ngành trong tỉnh đã cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học 195 người (*trong đó: tiến sĩ 14 người; thạc sĩ 181 người*); đào tạo đại học 46 người bằng kinh phí nguồn nhân lực của tỉnh. Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện theo Kết luận số 24-KL/TW ngày 05/6/2012 của Bộ Chính trị (Khóa XI), về đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 28-KH/TU ngày 21/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo, quản lý các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và những năm tiếp theo. Công tác rà soát xây dựng quy hoạch và điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ trong những năm qua được thực hiện kịp thời, đúng quy trình, đảm bảo quy hoạch “động” và “mở”, có tính kế thừa, chất lượng cán bộ quy hoạch được nâng lên đáng kể cả về trình độ học vấn, chính trị và chuyên môn nghiệp vụ; đảm bảo số lượng, cơ cấu hợp lý; tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số ngày càng tăng. Trên cơ sở kết quả quy hoạch cán bộ, việc xây dựng kế hoạch đào tạo, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí, điều động, luân chuyển cán bộ được thực hiện một cách chủ động hơn, cơ bản khắc phục tính hình thức trong quy hoạch cán bộ.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 103-KL/TW ngày 29/9/2014 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 91-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tạo chuyển biến về nhận thức, hành động của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hiểu rõ vị trí, vai trò của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, cơ chế, chính sách ngày càng hoàn thiện, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Các cơ chế, chính sách đã chú trọng kết hợp giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo người dân tham gia và thụ hưởng thành quả từ quá trình phát triển kinh tế.

- Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành đồng bộ; hầu hết giá hàng hóa, dịch vụ được xác lập theo cơ chế thị trường; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện và thông thoáng; quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ngày càng được bảo đảm.

- Môi trường đầu tư, kinh doanh, năng lực cạnh tranh, tình hình hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tiếp tục đạt những kết quả khả quan trên tất cả các nhiệm vụ: công tác cải cách hành chính tiếp tục được cải thiện toàn diện trên tất cả các mặt đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về doanh nghiệp cũng như đáp ứng tốt các yêu cầu cải cách đối với người dân và doanh nghiệp; môi trường đầu tư, kinh doanh được thông thoáng hơn, các cơ chế, chính sách được kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; doanh nghiệp bình đẳng hơn trong tiếp cận các nguồn lực; các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp diễn ra rộng khắp và tạo hiệu ứng lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp; vai trò, trách nhiệm của đội ngũ doanh nhân được nâng cao...

- Với sự tác động của các cơ chế, chính sách về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh đã có sự phát triển khá: Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã nâng cao năng suất, chất lượng và thu nhập, đến nay đã trở thành trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hàng đầu của cả nước. Thị trường tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp trong tỉnh từng bước mở rộng cả trong nước, khu vực và thế giới; liên kết giữa các doanh nghiệp với người sản xuất trong nông nghiệp được đẩy mạnh; nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã của tỉnh đã và đang xây dựng, phát triển thương hiệu.

- Lĩnh vực dịch vụ du lịch đang phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Kết cấu hạ tầng phục vụ kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, xây dựng từng bước hoàn thiện. Chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững mang lại hiệu quả, góp phần phát triển nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần nhân dân.

- Phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng, chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền trong tỉnh từng bước được đổi mới phù hợp hơn với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc tổ chức thực hiện và vận dụng một số cơ chế chính sách của nhà nước còn lúng túng; chưa huy động được nhiều nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh tế, các loại hình doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, năng lực và sức cạnh tranh của doanh nghiệp còn thấp; việc điều tra, nghiên cứu và dự báo thị trường chưa sát, chưa kịp thời gây khó khăn, bị động và lúng túng cho doanh nghiệp trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh của mình.

- Công tác quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chuyên ngành còn nhiều hạn chế, hiệu quả trong khai thác, sử dụng nguồn lực chưa cao. Còn thiếu cơ chế, chính sách đồng bộ, hiệu quả về quản lý ô nhiễm môi trường.

- Cơ chế phân công, phân cấp còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý nhà nước chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên giai đoạn 2015-2019 đạt rất thấp (*Khối tỉnh: năm 2018 tăng thêm 01 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên là Văn phòng Đăng ký sử dụng đất tỉnh; Khối huyện: không có*); tiến độ thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp của địa phương chưa đảm bảo tiến độ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền để cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức rõ hơn, tạo được sự đồng thuận cao hơn trong xã hội về mục tiêu, yêu cầu, đặc trưng và cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Bảo đảm trong xây dựng và vận hành thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải tiếp tục hoàn thiện đồng bộ các thành tố cơ bản, có quan hệ hữu cơ với nhau, gồm: Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách điều chỉnh hành vi và giao dịch kinh tế; các thể chế về chủ thể kinh tế và các loại thị trường; cơ chế thực thi, kiểm tra, giám sát, điều chỉnh và xử lý vi phạm trong nền kinh tế.

2. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ liên quan đến cải cách thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị. Theo đó cần phân công nhiệm vụ cụ thể đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị về các chỉ tiêu phấn đấu trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo từng năm và từng giai đoạn; nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Tiếp tục rà soát bộ thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực; thực hiện tốt quy trình một cửa, một cửa liên thông; lấy mức độ hài lòng của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân làm thước đo chất lượng, hiệu quả quản lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước; từ đó kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, nghiên cứu rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; mở rộng các sản phẩm cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý để tiết kiệm thời gian và chi phí cho các đối tượng.

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận các thông tin về định hướng và kế hoạch đầu tư phát triển kinh - tế xã hội của tỉnh, các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp, ưu đãi đầu tư; các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, các nguồn vốn vay...; tăng cường cung cấp, phổ biến thông tin, các hướng dẫn doanh nghiệp thực thi cam kết trong khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế (*ASEAN, WTO, APEC, ASEM ...*) và các hiệp định kinh tế - thương mại để nâng cao năng lực hội nhập, tiếp cận, mở rộng thị trường, hợp tác đầu tư, kinh doanh.

5. Tổ chức gặp mặt, đối thoại định kỳ với các nhà đầu tư để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện thuận lợi tối đa về đất đai, tiếp cận nguồn vốn, hỗ trợ trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và sớm đưa dự án đi vào hoạt động.

6. Tiếp tục huy động xã hội hóa trong các lĩnh vực dịch vụ công, có cơ chế kiểm tra, kiểm soát hợp lý nhằm đảm bảo chất lượng cung ứng dịch vụ của các cơ sở ngoài công lập. Xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2020-2022 theo hướng tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đồng thời tăng dần mức độ tự chủ về tài chính (*từ đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động sang đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên*) nhằm giảm gánh nặng chi từ ngân sách nhà nước theo đúng chủ trương của Chính phủ. Tiếp tục rà soát báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp đủ điều kiện chuyển đổi thành công ty cổ phần giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện thoái vốn nhà nước đối với 02 doanh nghiệp là Công ty cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt và Công ty cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc.

7. Tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, đăng kí doanh nghiệp, thủ tục hành chính... từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác dữ liệu đất đai. Thực hiện đầy đủ, minh bạch cơ chế giá đất theo hướng thị trường, bảo đảm hài hòa, hợp lý lợi ích của người sử dụng đất, của nhà đầu tư và nhà nước trong quá trình bồi thường giải phóng mặt bằng của các dự án đầu tư. Tiếp tục cụ thể hoá các chính sách của tỉnh về quy định bảng giá các loại đất trong giai đoạn 2019-2024 và giai đoạn tiếp theo.

8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, chủ động thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai. Đề xuất xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm, vấn đề môi trường nổi cộm, bức xúc, các “điểm nóng” về môi trường trên địa bàn tỉnh. *KK*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT₁.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Trần Đức Quận



PHỤ LỤC

Các văn bản cụ thể hoá chính sách về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của tỉnh Lâm Đồng
(Kèm theo Báo cáo số 43/BC/TU ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo	Ngày ban hành
I	Hoàn thiện thể chế về sở hữu liên quan đến quyền sở hữu tài sản của các chủ thể kinh tế	
1	Quyết định 45/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ban hành quy định về cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	21/9/2017
2	Quyết định 50/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	29/12/2017
3	Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ban hành quy định về chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng, tặng cho, nhận tặng cho, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất của gia đình, cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh	30/01/2015
4	Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ban hành quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	16/04/2015
5	Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh về ban hành một số quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	10/02/2015
6	Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh về ban hành một số quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	29/12/2017
7	Chương trình hành động số 48-CTr/TU thực hiện Nghị Quyết 11-NQ/TW của BCH TW Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ	24/10/2017
8	Kế hoạch 8862/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 48-CTr/TU thực hiện Nghị Quyết 11-NQ/TW của BCH TW Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	29/12/2017
II	Hoàn thiện thể chế phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp	
1	Chương trình hành động số 47-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết 10, hội nghị lần thứ 5 BCH Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	24/10/2017
2	Chương trình hành động số 48-CTr/TU thực hiện Nghị Quyết 11-NQ/TW của BCH TW Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ	24/10/2017
3	Chương trình hành động số 49-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị Quyết 12 của BCH TW Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước	24/10/2017
4	Kế hoạch số 8861/KH-UBND của UBND tỉnh thực hiện chương trình hành động số 47-CTr/TU của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	29/12/2017
5	Kế hoạch số 8862/KH-UBND của UBND tỉnh thực hiện Chương trình số 48-CTr/TU của Tỉnh Ủy thực hiện Nghị Quyết 11 về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	29/12/2017
6	Kế hoạch 649/KH-UBND của UBND tỉnh thực hiện chương trình hành động số 49-CTr/TU của Tỉnh ủy Nghị Quyết 12 của BCH TW Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước	30/01/2018
III	Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế	

STT	Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo	Ngày ban hành
1	Quyết định số 2025/QĐ-UBND về Công bố thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng	21/09/2017
2	Văn bản số 6269/UBND-TH ₂ về chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	21/9/2017
3	Kế hoạch số 7493/KH-UBND của UBND tỉnh về kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020	11/03/2017
4	Kế hoạch số 1463/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện Nghị Quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến 2020 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	15/03/2017
IV	Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường	
1	Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ UBND về ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	17/05/2017
2	Quyết định 48/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh về Quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên và hệ số quy đổi một số loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	15/12/2017
3	Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND Quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	23/6/2017
4	Quyết định số 2060/QĐ-UBND về kế hoạch thực hiện đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"	01/10/2014
5	Quyết định số 2630/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2020	29/11/2016
6	Quyết định số 48/QĐ-UBND quy định bảng giá tính thuế tài nguyên và hệ số quy đổi một số loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	15/12/2017
7	Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND quy định giá tiêu thụ nước sạch của công ty CP cấp thoát nước Lâm Đồng	09/10/2018
8	Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ban hành quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định các loại giá đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	27/04/2015
V	Hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động	
1	Quyết định số 425/QĐ-UBND của UBND tỉnh về Sửa đổi, bổ sung Chương trình hỗ trợ về khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng	25/03/2018
2	Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt dự án "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm"	
3	Kế hoạch số 6324/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020	22/9/2017
4	Kế hoạch số 4478/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về triển khai thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	13/7/2017
5	Kế hoạch số 145/KH-UBND triển khai thực hiện kế hoạch 65-KH/TU ngày 19/02/2013 của Tỉnh ủy Lâm Đồng triển khai nghị quyết số 10/NQ-TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế	10/01/2017
VI	Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế	

STT	Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo	Ngày ban hành
1	Quyết định số 1832/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án phát triển xuất khẩu các mặt hàng chủ lực tỉnh Lâm Đồng đối với từng khu vực thị trường đến năm 2020, tầm nhìn 2030	17/8/2017
2	Quyết định số 1166/QĐ-UBND của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW	01/6/2017
3	Quyết định số 2393/QĐ-UBND của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược xuất nhập khẩu hàng hoá tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2012-2020, định hướng 2030	21/11/2012
4	Quyết định số 1468/QĐ-UBND ban hành chương trình hành động thực hiện nghị quyết số 31/NQ-Cp ngày 13/05/2014 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 10/04/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế	08/07/2014
5	Quyết định số 2153/QĐ-UBND ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-CP ngày 10/07/2014 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của tổ chức thương mại thế giới	13/10/2014
6	Chương trình hành động số 37-CTr/TU của Tỉnh ủy Lâm Đồng về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	19/4/2017
7	Kế hoạch số 6269/KH-UBND của UBND tỉnh triển khai thực hiện công tác hội nhập quốc tế tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020	12/10/2016
8	Kế hoạch số 3274/KH-UBND triển khai Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện và khai thác hiệu quả các Hiệp định Thương mại tự do đã có hiệu lực năm 2018	30/05/2018
9	Kế hoạch số 1793/KH-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng thực hiện Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch thực hiện Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).	01/04/2019
10	Kế hoạch số 2648/KH-UBND thực hiện chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/01/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế	07/05/2018
VII	Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước	
1	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước	
1.1	Quyết định 762/QĐ-UBND của UBND tỉnh Công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc tỉnh Lâm Đồng năm 2017	24/4/2018
1.2	Quyết định 62/QĐ-UBND của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch giám sát tài chính năm 2018 đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	11/01/2018
1.3	Quyết định 1486/QĐ-UBND của UBND tỉnh công khai thông tin về tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc tỉnh Lâm Đồng	07/05/2017
1.4	Quyết định số 2029/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc công khai báo cáo tài chính năm 2016 của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng	21/9/2017

STT	Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo	Ngày ban hành
1.5	Quyết định số 1800/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đơn Dương	11/8/2017
1.6	Quyết định số 1801/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Lộc Bắc	08/11/2017
1.7	Quyết định số 1802/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Di Linh	08/11/2017
1.8	Quyết định số 1803/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đa Tềh	11/8/2017
1.9	Quyết định số 1804/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bảo Lâm	08/11/2017
1.10	Quyết định số 1805/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bảo Thuận	08/11/2017
1.11	Quyết định số 1806/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đa Huoai	08/11/2017
1.12	Quyết định số 1807/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Tam Hiệp	11/8/2017
1.13	Quyết định số 229/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng thẩm định giá trị phần vốn nhà nước và giá khởi điểm đấu giá phần vốn nhà nước tại các công ty có vốn nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng thực hiện thoái vốn nhà nước giai đoạn 2017-2020	02/01/2018
1.14	Văn bản số 6274/UBND-TH2 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ cấu lại cổ phần hoá thoát vốn tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng	21/9/2017
1.15	Văn bản số 1105/UBND-TH2 của UBND tỉnh thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và phát triển doanh nghiệp năm 2018	01/3/2018
1.16	VB số 1534/UBND-TH2 của UBND tỉnh Triển khai thực hiện nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp	21/3/2018
1.17	Văn bản số 1704/UBND-TH2 của UBND tỉnh Thực hiện việc sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và phát triển doanh nghiệp năm 2018	28/3/2018
1.18	Văn bản 1975/UBND-TH2 của UBND tỉnh về thực hiện kế hoạch giám sát hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp năm 2018	04/09/2018
2	Nâng cao hiệu quả, hiệu quả quản lý của nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân	
2.1	Kế hoạch 8861/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ và chương trình hành động số 47-CTr/TU ngày 24/10/2017 của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW phát triển kinh tế tập thể tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	29/12/2017
2.2	Kế hoạch số 5713/KH-UBND để tổ chức thực hiện Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	07/9/2018

STT	Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo	Ngày ban hành
2.3	Kế hoạch 2266/KH-UBND của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	19/4/2019
2.4	Chương trình hành động số 3671/UBND-TH2 thực hiện nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020	29/06/2016